

Quê Tôi Chín Năm Chìm Trong Khói Lửa

(Chương 3 của cuốn “Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ”)

Tác Giả: Huy Vũ

Sau khi kêu gọi toàn dân: “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc..” đứng lên chống Pháp, ông Hồ và các đồng chí của ông rút vào mật khu nằm trong vùng rừng núi tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Rồi từ đây ông phát động cuộc TRƯỜNG KỶ KHÁNG CHIẾN gồm ba giai đoạn: CẤM CỤ – PHÒNG NGỰ – TỔNG PHẢN CÔNG. Kể từ đó, không khí chiến tranh bao trùm trên toàn cõi Việt Nam. Thời kỳ đầu, thế yếu kém nghiêng hẳn về phía Việt Minh, nên ông Hồ đã sử dụng chiến thuật du kích, lấy yếu chống mạnh. Đồng thời ông ra lệnh cho dân chúng trong vùng Việt Minh kiểm soát áp dụng chính sách “tiêu thổ kháng chiến” và “vườn không nhà trống”.

Dân chúng đang sống trong những thị trấn và thành phố phải di tản đi nơi khác. Tất cả những công ốc cũng như nhà cửa của tư nhân, ngoại trừ nhà cửa ngoại kiều và các cơ sở tôn giáo ở đây đều phải triệt hạ. Cây cối dọc theo hai bên đường phố phải đốn ngã nằm theo tư thế cài răng lược chặn ngang trên mặt đường. Dân chúng trong vùng nông thôn, phải bám lấy ruộng đất canh tác, sản xuất lúa gạo, ủng hộ kháng chiến. Đồng thời phải sẵn sàng đặt nhà cửa và vườn tược trong tình trạng “vườn không nhà trống”. Mỗi làng phải đào giao thông hào và rào dậu kiên cố để biến thành một chiến lũy chống Pháp. Thanh niên trong làng được tổ chức thành những toán dân quân du-kích, trang bị với gậy gộc, gươm, giáo, cung nỏ v.v.. .. sẵn sàng chiến đấu. Tất cả các trục lộ giao thông đường bộ gồm quốc lộ, tỉnh lộ đến hương lộ, cùng các cầu cống phụ thuộc đều phải phá hủy.

Vào thời gian này, quê tôi, tuy cách xa Hà Nội về hướng Tây Bắc khoảng 40 cây số, song lại nằm bên bờ sông Hồng, một trục giao thông chiến lược, và phía bên kia sông là thị trấn Hưng Hóa cũng có vị thế chiến lược nữa, nên người ta tin rằng chiến cuộc sẽ lan tới một ngày không xa. Việc tiên liệu này đã làm cho không khí chiến tranh ở quê tôi trở nên sôi động. Làng Bản Nguyên của tôi vốn là một làng có từ lâu đời, nên có một lũy tre bao bọc gần kín quanh làng, khiến Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến huyện Lâm Thao chọn làm làng Chiến Đấu. Thế là dân làng phải tu bổ lũy tre quanh làng cho thêm phần kiên cố, và nhiều đoạn mới được dựng thêm. Đầu và cuối mỗi ngõ trong làng đều được làm cổng đóng mở rất vững chắc. Một vài địa điểm quan yếu quanh làng, được đào hầm hố, và thiết lập các công sự chiến đấu. Trai tráng trong làng được tổ chức thành từng toán dân quân du kích, và được võ trang bằng dao, dùi, mác, mã tấu, cung, nỏ v.v.. và đặc biệt có một khẩu súng trường mousqueton ngắn nòng, do một thanh niên trong làng mượn được trong thời gian Nhật đảo chánh Pháp, chôn giấu, mãi đến tháng 8/45 mới moi lên, ủng hộ cho làng xã. Vào thời gian này, còn có một trung đội bộ đội chính quy thuộc Trung Đoàn Thủ Đô, sau khi rút ra khỏi Hà Nội tới dưỡng quân ở làng tôi nữa. Hàng ngày, họ kéo các tổ dân quân du kích làng tôi ra gò đất sau làng tập bắn, tập bò, tập dậm, tập chém, tập ném lựu đạn, tập chôn mìn, tập giật mìn v.v.. .. Trung đội này đóng ngay tại nhà tôi, và lúc đó tôi còn bé nên thường lân la với các anh Võ Pháp, trung đội trưởng; Tôn Thất Nguyên, trung đội phó; và Lê Triền, chính trị viên. Nghe nói các anh này đều là sinh viên ở miền Nam và miền Trung ra Hà Nội học Đại Học. Khi Việt Minh nổi dậy cướp chính quyền, liền tình nguyện gia nhập bộ đội. Bọn nhi đồng cứu quốc làng tôi, trong đó có tôi, cũng được trung đội này dạy ca hát, dạy bắn bằng súng bẹ chuối, dạy chém bằng gươm cây nữa.

Các trục giao thông đường bộ và cầu cống phụ thuộc trong vùng tôi nói riêng, và trong tất cả những vùng còn nằm trong tay Việt Minh nói chung được các đoàn dân công tới tập gửi đến để phá hủy, bằng cách đào những hố ngang hố dọc, như nhà thơ Tố Hữu đã cổ động và ca ngợi:

*Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét nước làng em lo
Nhà em phơi lúa chưa khô
Thóc chưa vào bồ, sắn thái chưa xong
Nhà em con bé con bông
Em cũng theo chồng đi phá đường quan. ..”*

Trên con đê ngăn nước sông Hồng, và cũng là một trục giao thông đường bộ quan trọng chạy qua làng tôi, cũng được lệnh phải tạo lập các chướng ngại vật để làm khó khăn cho sự di chuyển của quân đội Pháp trong tương lai. Nếu đào “hố ngang, hố dọc, chữ i, chữ t” như sự hướng dẫn của nhà thơ Tố Hữu trên các trục lộ khác, thì chắc chắn, đê sẽ bị vỡ vào mùa nước nổi, và dân làng tôi, cũng như dân trong vùng sẽ bị nhận chìm trong biển nước, trước khi quân đội Pháp tới tiến chiếm hay đi ngang qua. Do đó dân công thay vì đào hầm hố là đắp những ụ đất cao và dài như những ngôi mộ mới, nằm theo thế cài răng lược san sát bên nhau. Khi đi lại trên đê, người dân không còn đi theo một đường thẳng được nữa, mà phải đi “ngoắt ngoéo chữ chi”. Và cứ mỗi khoảng cách độ một hai cây số lại được đắp một ụ đất rất lớn, có cốt là những gốc cây hay những thanh thép đường ray xe lửa chôn sâu xuống mặt đê, sừng sững như những ngôi nhà, để ngăn chặn xe-tăng của quân đội Pháp. Hầu hết những cây cầu lớn nhỏ đúc bằng ciment cốt sắt hay bằng gỗ vững chắc bắc qua kinh rạch trong vùng đều phải phá hủy và thay thế vào đó là những chiếc cầu tre lắt lẻo gập ghềnh. Việc gây trở ngại và khó khăn cho quân đội Pháp trong việc di chuyển bằng cơ giới chưa thấy đâu; song dân quê vùng tôi đã khôn đốn và điều chỉnh trong việc đi lại và vận chuyển hàng ngày. Những ụ đất hay hầm hố ngang dọc “chữ i chữ t” trên những trục lộ giao thông, khiến người dân khi đi trên những con đường này không thể đi thẳng được, mà phải đi ngoắt ngoéo theo hình chữ Z, nên thời gian cần thiết để đi qua một quãng đường nào đó, trước đây chỉ cần một tiếng đồng hồ, thì nay phải hai ba tiếng. Phần đông nông dân là những người tham công tiếc việc, nên hầu như không có người nào đi không cải, mà thường là phải khuân vác hay gồng gánh vật này vật kia nặng trĩu trên vai, nên sự cực nhọc và vất vả lại càng tăng lên gấp bội. Khi gặp những cây cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh, người đi không còn gặp nhiều khó khăn, huống chi là người mà trên vai còn phải khuân vác gồng gánh, nhiều lúc không thể xử dụng cầu khi được mà dùng thuyền bè, hoặc phải lội suối hay kinh rạch để chuyển đồ qua nên khá gian truân và vất vả.

Tất cả những cánh đồng rộng từ một, hai cây số vuông trở lên, chủ nhân của những thửa ruộng trên cánh đồng ấy phải mua, hay đốn tre, cây trong vườn, chặt đẽo thành những cây chông cao và dài khoảng 2 mét, đem cắm hay chôn xuống mặt ruộng của mình thành những hàng dọc ngang tua tủa chỉ lên trời để chống quân nhảy dù. Trên những bức tường ở đình, chùa, trường học, nhà lồng chợ hay bất cứ chỗ nào trong các làng có thể khả thi, là có ngay một khẩu hiệu như “HỒ CHỦ TỊCH MUÔN NĂM”, “ĐÁ ĐẢO THỰC DÂN XÂM LƯỢC PHÁP”, “ĐẢO ĐẢO VIỆT GIAN BÁN NƯỚC”, “TOÀN DÂN TÍCH CỰC THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP”, “TRƯỜNG KỶ KHÁNG CHIẾN NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI”, vân vân ... Đặc biệt có một khẩu hiệu ngắn gọn chỉ có ba chữ: “TRIỆT ĐỂ CHÓ”. Tuy ý nghĩa lơ mờ, song được giải thích rõ ràng rằng, đó là khẩu hiệu, ông Hồ ra lệnh toàn dân trong vùng kiểm soát của ông phải triệt để giết chó, để bộ đội và dân quân du kích dễ dàng hoạt động trong đêm tối. Do đó một phong trào “HẠ CỜ TÂY”⁽¹⁾ được bộc phát rầm rộ ở quê tôi. Nhà nhà giết chó. Người người ăn thịt chó. Thật đáng thương cho hàng triệu con chó sống trong vùng Việt Minh lúc bấy giờ, nào có tội tình gì đâu, mà bị cụ Hồ ra lệnh tiêu diệt. Nếu chó có linh hồn chắc chúng cũng không thể không oán ghét ông Hồ.

Thị trấn Hưng Hóa, nơi có nhiều bà con họ hàng nội ngoại của tôi, nằm phía bên kia sông Hồng, vào dịp này cũng phải chịu chung số phận như hàng ngàn thành phố khác trên đất Việt chẳng may vẫn còn nằm trong tay ông Hồ sau ngày 19-12-1946. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả nhà cửa của tư nhân cũng như công ốc (trong số này có Tháp Canh hay cây Cột Cờ cổ kính của thành Hưng Hóa ngày xưa) trong thị trấn này đều do chính bàn tay của chủ nhân hay của dân công huyện Tam Nông đập phá tan tành và san thành bình địa. Các cây phượng vĩ được trồng dọc theo hai bên hè phố, vào mùa hè cho hoa đỏ rực rất đẹp, nay đều bị đốn ngã nằm ngổn ngang trên mặt đường. Từ bên này sông trông qua, dân làng tôi có thể nhìn thấu dọc ngang từ đầu đến cuối thị trấn, tiêu điều như một bãi tha ma. Một kiến trúc đồ sộ duy nhất còn đứng ngạo nghễ thi gan cùng tuế nguyệt, là tháp chuông dính liền với ngôi giáo đường của Tòa Giám Mục Hưng Hóa. Thoạt trông, người ta tưởng như một ngôi mộ khổng lồ nằm trơ vơ trong một nghĩa trang hoang dại.

Chưa đầy một năm, sau ngày 19/12/1946, quân đội Pháp đã nhanh chóng bành trướng vùng kiểm soát của họ theo phương thức “vét dầu loang” từ Hà Nội và Hải Phòng sang các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và các tỉnh phía bắc thủ đô Hà Nội. Sau khi chiếm tỉnh Sơn Tây, quân Pháp vượt sông Đà tiến chiếm thị trấn Hưng Hóa và dải đất chạy dọc theo sông Hồng từ Hưng Hóa đến Đồn Vàng. Khúc sông Hồng ở đoạn này uốn cong như hình chữ C, khiến làng tôi và nhiều làng khác chẳng những trở thành vùng địa đầu chiến tuyến mà còn bị bao vây như thế gọng kìm bởi các đồn binh của Pháp ở phía bên kia sông nữa.

¹ Nói lái của cụm từ CÂY TƠ

Trong thời gian này, quân Pháp đã triệt để khai thác ưu thế không quân để đánh phá sâu rộng vào vùng kháng chiến. Trên bầu trời vùng quê tôi cũng như trong vùng kháng chiến ở liên khu Bắc Việt lúc bấy giờ thường xuất hiện từng cặp máy bay phóng pháo hay oanh tạc cơ bay lượn nhởn nhơ. Lực lượng phòng không của Việt Minh vào lúc ấy chỉ là một con số không to tướng, nên những máy bay của Pháp mặc sức tung hoành. Dường như trước khi cất cánh bay đi, ít khi chúng có mục tiêu đánh phá nhất định, mà thường là bay tuần tiễu trên không phận các trục lộ giao thông thủy cũng như đường bộ hay những vùng đông dân, hễ gặp mục tiêu nào đó, mà những tên “giặc lái” cho là có giá trị về mặt quân sự hay kinh tế, hoặc “ngựa mồi” là xả xuống bắn phá. Không quân Pháp đã tạo cho Việt Minh cũng như dân chúng trong vùng kháng chiến rất nhiều khó khăn và nhiều tổn thất nặng nề. Càng về sau máy bay của quân đội Pháp càng hoạt động mạnh mẽ và gắt gao hơn, đến nỗi dân chúng trong vùng quê tôi nói riêng, và trong vùng kháng chiến nói chung phải lấy đêm làm ngày. Vào những ngày nắng đẹp trời trong, là ngay từ lúc rạng đông cho tới lúc mặt trời lặn, từng cặp phóng pháo cơ của Pháp đã bay lượn ì ầm trên bầu trời. Chúng bắn phá hầu hết các mục tiêu mà chúng bắt gặp, dù chỉ là một chiếc thuyền nan bé nhỏ với một vài người dân quê đang lên thuyền trên dòng sông vắng, hay ba bốn bác nông phu đang cày bừa trên cánh đồng, tụ lại với nhau bên chiếc diều cày để hút thuốc vào giờ giải lao, hoặc một đàn trâu 8, 9 con đang liếm nắng vàng trên cỏ biếc. Các sinh hoạt lẻ loi của dân chúng khoảng vài ba người mới dám hó hé vào lúc ban ngày. Dù là một hai người đi nữa, song mỗi khi nghe tiếng máy bay ì ầm từ xa là phải tìm bụi chuối, bờ tre hay chòm cây gần nhất để ẩn nấp. Còn các hoạt động đòi hỏi đông người hơn như hội hè, hội họp, họp chợ, học hành v.v.. đều phải thực hiện vào ban đêm. Ở quê tôi, vào ban đêm trong thời gian này, đã biến thành một thế giới âm phủ, không phải của những loài ma quỷ, mà là của những con người thật sự còn sống.

Trong chín năm kháng chiến, không quân Pháp đã gây cho gia đình tôi và họ hàng nhà tôi khá nhiều tổn thất và tang tóc. Cuối năm 1949, hai chiếc phóng pháo cơ đã nhào lên nhào xuống nhiều lần, nã nhiều loạt đạn 12.7 xuống đàn trâu của làng tôi, trong đó có những con trâu của gia đình tôi, mà tôi đang chăn trên cánh đồng sau làng. Những con trâu của làng tôi, khi nghe tiếng đàn, tích-tích-tinh-tang có thể chúng đứng đưng; song khi nghe thấy tiếng pháo, ùng- ùng- đoành-đoành là chúng sợ hãi vô cùng, chạy toán loạn. Cùng nhờ vậy, mà sau khi loạt đạn 12.7 đầu tiên từ máy bay bắn xuống, là chúng đã chạy tứ tán, nên đàn trâu của làng tôi hôm ấy có tới trên 30 con, mà chỉ có ba, bốn con thiệt mạng. Rất may trong số này không có con nào của gia đình tôi cả. Song một viên đạn 12.7 suýt nữa đã kết liễu đời tôi trong gang tấc. Viên đạn này cày xuống vùng đất cạnh bờ ruộng chỗ tôi ẩn nấp và chỉ cách đầu tôi khoảng 20 centimét.

Mùa hè năm 1950, một loại máy bay vận tải của Pháp được cải tiến thành máy bay oanh tạc, từng đoàn 9 chiếc bay theo đội hình 3 x 3 thả bom từng chùm nhiều lượt như trải thảm xuống làng Thạch Cáp, một ngôi làng hẻo lánh nằm sâu trong vùng đồng trũng, khiến hàng trăm ngôi nhà trong làng này tan nát hoặc cháy rụi. Trong đó có ngôi nhà ngói của cụ Chánh Tiếp, một người bạn “cửa Khổng sân Trình” của thân phụ tôi, và cũng là nơi gia đình tôi gửi khá nhiều đồ đạc và đồ cổ quý giá.

Ngày 14 tháng Năm năm Canh Dần (1950), hai chiếc phóng pháo cơ đã bắn chìm một con đò ngang, trong lúc đang qua sông Hồng, ngay thị trấn Vũ Yên. Trên con đò ngang nhỏ ấy chỉ có hai người, một lái đò và một hành khách. Người hành khách ấy là bà bác ruột của tôi. Ngay sau khi tai họa xảy ra, thân nhân đã tốn kém khá nhiều tiền bạc trong việc thuê mướn người tìm xác dọc theo khúc sông này trong nhiều ngày liên tiếp nhưng đều thất bại. Cuối cùng đành phải bỏ cuộc, và chấp nhận mất xác. Song hơn một tuần lễ sau, người con trai gọi bà là mẹ kế, anh Vũ Huy Cảnh, đang sống ở làng Quỳnh Lâm, nơi gia đình chồng bà có nhà cửa và nhiều ruộng đất, cách thị trấn Vũ Yên về hướng nam trên bốn chục cây số, tự nhiên đang ngồi trong nhà bỗng cảm thấy bồn chồn đến nỗi không thể ngồi yên được, nên phải đứng dậy đi ra ngoài, song không biết rõ là phải đi đâu. Sau nửa giờ đi trên con đường làng, dường như đi theo sự dắt dẫn của một người khuất mặt khuất mày nào đó, anh Cảnh tới bến đò nơi cuối làng, thì một thuyền đánh cá cũng vừa cập bến, mời mua cá. Trong câu chuyện trao đổi giữa hai người đánh cá với nhau, mà anh Cảnh nghe được, có đề cập đến một thầy ma nằm sấp trôi dạt vào đám lau sậy trên một bãi cát giữa dòng sông. Anh Cảnh bèn thuê ngay chiếc thuyền đánh cá ấy đưa ra coi cái thầy ma. Khi tới nơi, tuy đã nhiều giờ sau, song chiếc thầy ma dường như vẫn cố tình nằm chờ trong đám lau sậy ngập nước. Sau khi quan sát, người anh họ tôi đã nhận ra đúng là xác của bà mẹ kế, vì trên ngón tay áp út ở bàn tay trái vẫn còn mang chiếc nhẫn mà bác tôi đã tặng bà trong ngày cưới. Và ngày 16 tháng Một năm Canh Dần (1951) hai chiếc oanh tạc cơ đã thả bom xuống thị xã Thái Nguyên. Một trong những trái bom mà chúng thả xuống ngày hôm ấy đã trúng ngay căn hầm trú ẩn, mà bà mẹ ruột tôi cùng đứa con gái đang ẩn nấp. Trái bom đã nổ tung làm cả hai mẹ con chết không kịp ngáp.

Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, một số khá đông dân cư từ Thủ Đô Hà Nội và các thành phố vùng xuôi đã tản cư lên vùng quê tôi. Một số không ít những người này, vì lúc ra đi quá vội vã, nên đã không kịp xin được đầy đủ giấy tờ do chính quyền nguyên quán cấp phát; nên đã trở thành nạn nhân của chính quyền địa phương ở những nơi mà họ đi qua hay tạm trú. Có lẽ vì chính quyền làng xã trong vùng kháng chiến lúc bấy giờ còn quá non trẻ, lại quá hăng say; đồng thời lại được ông Hồ dạy bảo phải luôn luôn “đề cao cảnh giác” và “thà giết lầm 10 người còn hơn tha lầm một người”. Do đó, những người tản cư đi ngang qua hay trú ngụ trong vùng quản hạt của họ thường bị xét hỏi giấy tờ và kiểm tra hành lý. Nhiều người chỉ vì mặc áo chim cò có đủ 3 màu xanh, trắng, đỏ như ba màu trên lá quốc kỳ của Pháp, hoặc khi xét hành lý tìm thấy chiếc nón hay chiếc khăn phủ la, hay vật gì đó có đủ ba màu như thế, là bị bắt giam, đánh đập, tra khảo cho tới khi nào nhận tội là Việt Gian bán nước. Một khi đã nhận tội, mà được giải giao lên cấp trên để khai thác thêm là đại phước, vì cấp huyện ít ra cũng không quá ấu trĩ như cấp xã, nên có thể được tha. Song phần đông chính quyền xã không muốn mất công dẫn giải và báo cáo lỗi thôi, nên tự tiện đem bắn bỏ cho xong chuyện.

Trên con đường đất từ bến phà làng tôi qua sông Hồng đi vào các làng Trúc Khê, Phương Giao, Dị Nậu, Đào Xá v.v.. có một quán cóc nằm dưới gốc cây Lê, một loại cây cao to ít lá cành, cho một loài hoa thơm phức. Phía sau quán cóc này có hai ngôi mộ của một cặp vợ chồng tản cư từ miền xuôi lên. Sự tích về hai ngôi mộ này được kể lại như sau: Vào một buổi trưa đẹp trời trong năm 1947, có một cặp vợ chồng người tản cư, mặc áo trắng quần đen đi ngang qua, ghé vào quán ăn bánh và uống nước chè tươi. Vừa lúc đó hai chiếc AD6 ập tới. Sau khi bay lượn một vài vòng trên bầu trời, chúng nhào xuống bắn phá một cơ sở bán quân sự trong vùng. Khi cuộc bắn phá chấm dứt, và máy bay đã bay đi, một vài người dân trong vùng báo cáo với chính quyền địa phương rằng: Trong khi máy bay bắn phá, họ thấy hai người mặc áo trắng từ trong quán này chạy ra, và còn thấy dường như từ hai người này có một vật gì đó loáng thoáng chiếu sáng lên bầu trời nữa. Thế dân quân du kích được lệnh cấp tốc bao vây và lùng bắt cặp vợ chồng này. Vài giờ sau cặp vợ chồng này bị bắt trời dẫn giải về Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến địa phương. Tại đây họ không thể xuất trình đầy đủ giấy tờ để chứng minh là những người tản cư lương thiện. Và khi xét đồ thì tìm thấy người vợ còn giữ chiếc gương tròn nhỏ trong túi áo. Với nhân chứng và với tang vật cụ thể như thế, nên cả hai bị kết tội là Việt Gian chính cống, và đã dùng gương để chỉ điểm cho máy bay Pháp bắn phá, rồi đem ra xử bắn và chôn ngay sau quán, là nơi họ đã chỉ điểm cho máy bay Pháp.

Cũng trong năm 1947, vào một đêm hè gia đình tôi khuan đồ đạc vào gửi một gia đình quen biết trong làng Thạch Cáp. Khi ra về đã quá nửa đêm, chúng tôi đi ngang qua ngôi đình ở giữa làng thì nghe thấy tiếng khóc than của một phụ nữ: “Ôi Trời cao Đất dày ơi! Tôi có làm Việt Gian Việt Giặc bao giờ đâu mà tra khảo tôi tàn nhẫn thế này..” Trong chuyến gửi đồ vào đêm hôm sau, chúng tôi có hỏi ông chủ nhà về tiếng khóc than mà chúng tôi nghe được vào đêm hôm trước. Dường ông chủ nhà mà gia đình tôi gửi đồ, cũng là một trong những viên chức của Ủy Ban Hành Chính và Kháng Chiến xã Việt Tiến, cho biết là công an của xã ông, bắt được một mụ đàn bà không rõ từ đâu tới. Khi hỏi giấy tờ thì không có gì cả. Khi xét đồ đạc, thì thấy một mảnh vải nhỏ có in cờ tam tài của Pháp. Chứng cứ rành rành như thế, mà con mẹ ấy vẫn ngoan cố không chịu nhận tội là Việt Gian, nên bị tra tấn như tử.

Trong thời gian chiếm đóng thị xã Hưng Hóa, quân Pháp thường hành quân vượt sông xâm nhập vào làng tôi. Căn cứ hỏa lực của Pháp ở Trung Hà, nằm trong tỉnh Sơn Tây, thường bắn đại bác 105 hay 155 ly lên đầu lên cổ dân làng tôi nữa. Nhiều người đã tan xác trong giấc ngủ say, và nhiều người đã ngàn thu yên giấc lâu rồi, song vẫn bị đánh thức dậy để được chết thêm một lần nữa. Phần đông người dân sống trong làng phải tản cư sang các làng khác cách xa sông Hồng, hoặc tản mác ra các khu vườn trại cách xa làng. Đồ đạc trong nhà như giường, tủ, bàn, ghế, nồi đồng, mâm thau, chén bát v.v. . . phải chôn giấu hoặc đem gửi ở làng lân cận xa sông. Những căn nhà khang trang lọt ngói hay lá đều phải gỡ cánh cửa và vách ván mang đi giấu hoặc đi gửi ở các làng khác hay trong những xóm trại sau làng. Vườn tược trong làng để mặc cho cỏ cây “trăm hoa đua nở”. Tuy là làng chiến đấu và lực lượng dân quân du kích trong làng có tới hơn một trung đội, nhưng vì vũ khí quá thô sơ nên chưa bao giờ dám nằm lại trong làng để cố thủ hay thử lửa với quân đội Pháp cả, mà chỉ làm nhiệm vụ canh gác ven sông. Khi thấy quân Pháp vượt sông thì đánh trống, đánh kèn báo động cho dân chúng hay.

Mỗi khi tiếng trống tùng tùng, tiếng keng keng keng ... báo động nổi lên là đủ loại súng đạn từ đồn Hưng Hóa bắn xối xả, tới tấp, ào ào vào làng tôi, đặc biệt là nơi mà chúng dự trữ độ bộ. Trong tình huống kinh hoàng ấy, dân làng tôi từ trong làng hay từ các khu trại quanh làng bồng bề con cái, gồng gánh gạo thóc, đánh đuổi trâu bò v.v... .. chạy thục mạng qua những cánh đồng để vào các làng khác, mặc cho những viên đạn trung liên và đại liên bay chiu chiu trên đầu, vèo vèo bên tai, đâm xuống những thửa ruộng đầy áp nước xèo xèo. Ai đã lâm vào hoàn cảnh như thế, mới hiểu được ý nghĩa thật sự của câu nói “đạn tránh người chứ người không tránh đạn”. Cứ mỗi lần hành quân vượt sông xảy ra, là một lần làng tôi lãnh đau thương và tổn thất. Một số căn nhà bị thiêu rụi thành tro than. Một số người và một số trâu bò bị giết hay bị thương vì lạc đạn. Riêng gia đình tôi cũng đã có một con trâu tàn phế trong trường hợp như thế. Khi xâm nhập vào làng hay các khu vườn trại quanh làng gặp thứ gì có thể lấy mang đi là chúng lấy, nếu không mang đi được thì chúng phá hủy; gặp phụ nữ bất kể già trẻ lớn bé là lính Marocain và Tây đen rạch mặt “bê hội đồng”; gặp đàn ông còn trẻ là chúng bắt, đánh đập tra khảo vì nghi là du kích, sau đó có thể bị bắt dẫn đi làm tù binh, hoặc bị giết tại chỗ. Một người đàn ông trung niên trong làng, tên Giám, vì ngủ say, không hay báo động, nên lọt vào tay quân Pháp. Không rõ khi bị bắt và bị đánh đập ông ta khai trình ra sao, mà bị chúng đâm chết, rồi mổ bụng, kéo ruột gan lòng thông ra ngoài. Còn gặp trâu bò là chúng bắt mang đi; gặp lợn, gà, vịt là chúng bắn. Trong thời gian này ở quê tôi cũng đã xuất hiện câu ca dao dường như từ Nam Bộ truyền ra:

*Cắc bự, cắc bự, cắc xòa
Cha thằng giặc Pháp bắt gà bắt heo
Cắc bự, cắc bự, cắc xeo
Cha thằng giặc Pháp bắt heo bắt gà”*

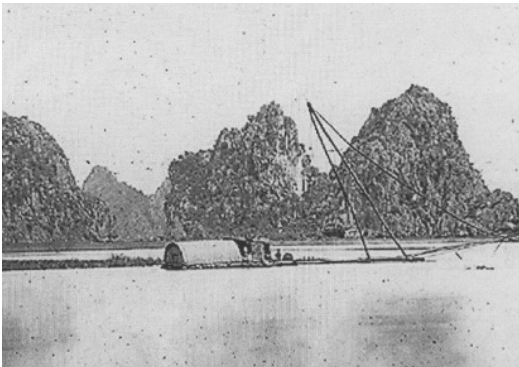
Đôi khi không phải là chỉ có riêng đồn Hưng Hóa hành quân vượt sông sang làng tôi, mà hầu hết các đồn bót phía bên khi sông đều hành quân vượt sông sang các làng đối diện cùng một ngày nữa. Vào những ngày như thế là ngay từ lúc tờ mờ sáng đã xuất hiện một hay hai chiếc L.19, mà dân chúng trong vùng kháng chiến gọi là máy bay chuẩn chuẩn, bay lượn khá cao trên bầu trời. Và xa xa về hướng đông bắc còn có những cặp AD6 nhào lộn bỏ bom và bắn phá ở nhiều vùng khác nhau nữa. Đôi lúc còn thấy cả những chiến hạm chạy ào ào trên mặt sông, hoặc từng tốp máy bay thả quân dù xuống một vùng nào đó nữa. Trong tình huống như thế là dân chúng vùng tôi, chẳng cần ai bảo ai, cũng chẳng cần phải chờ báo động, đều biết là quân Pháp đã tổ chức một cuộc hành quân lớn phối hợp Thủy-Lục-Không quân kéo dài nhiều ngày trong một vùng rộng lớn, trong đó có làng tôi, là dân làng tôi phải ba chân bốn cẳng chạy tản cư vào các làng mạc nằm sâu hơn trong vùng núi như Thanh Mai, Chu Hóa, Cổ Tích v.v..... .. Một câu ca dao không rõ xuất xứ nói về tình trạng này cũng đã xuất hiện trong vùng quê tôi:

*Bao giờ quan đánh chữ C
Dân chúng được phép quay về làm ăn
Bao giờ quan đánh chữ O
Dân chúng lại phải nằm co trong rừng*

Trong thời gian tản cư vào làng Thạch Cáp, thỉnh thoảng tôi trở về làng thăm nhà. Vườn và nhà của gia đình tôi nằm sát con đê chạy dọc theo bờ sông, trông sang đồn Hưng Hóa. Vào mùa mưa, nước sông Hồng dâng lên rất cao, nên dòng nước chảy sát vào bờ đê. Một hôm về tới nhà thì mùi ối chín thơm phực từ phía sau nhà thổi vào mũi, như bảo tôi phải thăm nó trước. Cây ối này được trồng trước khi tôi chào đời nên vào năm ấy rất lớn và lá cành sum sê, cho trái không lớn nhưng rất sai và ngọt lịm. Đứng dưới gốc nhìn lên thấy rất nhiều trái chín vàng ươm, nên tôi bèn trèo lên và leo ra một cành lớn chĩa ra phía bờ đê. Khi đang lui hui hái ối, tôi bỗng nghe thấy tiếng máy nổ ì-ì-ì, không lấy gì làm lớn lắm, từ phía bờ sông dội lên. Đưa mắt về hướng đó, tôi thấy một chiếc tàu lớn khênh còng màu xám tro lù lù hiện ra. Có lẽ lúc đó gió thổi xuôi, và nước cũng chảy xuôi, nên tôi đã không nghe thấy tiếng máy tàu nổ từ xa. Chiếc tàu đang chạy ngược dòng, chỉ cách cành ối mà tôi đang đứng khoảng 100 mét, với nhiều họng súng đen ngòm lớn nhỏ, chĩa thẳng vào tôi, chực chờ nhả đạn. Tim tôi thất lại. Hồn vía bay lên mây. Người tôi dẫn đờ. Tay chân luống cuống.. .. Bỗng có tiếng nói từ trong tiếm thức, hay từ một cối xa xăm nào đó bảo tôi: “Bình tĩnh. Bám chắc vào thân cây. Không được động đậy”. Tôi đã tuân thủ ngay những gì mà tôi đã nghe được. Chờ vài chục giây sau, cho chiếc tàu chạy qua hẳn, tôi mới dám leo xuống, và trở về ngay làng Thạch Cáp, quên cả việc nhặt những trái ối chín mà tôi đã hái được để dưới gốc cây. Nếu hôm ấy tôi động đậy, khiến cành ối rung chuyển, và những tên lính trực lỗ nhỏ trong các ổ súng trên tàu nhận ra, rồi đồng loạt bấm cò, là tôi đã chết tan xác.

Một trong những lần quân đội Pháp mở một cuộc hành quân dài ngày trong một vùng rộng lớn ở quê tôi, thầy tôi đã giao con trâu còn lại duy nhất cho tôi và bảo tôi dẫn nó vào tá túc tại nhà một người quen trong làng Sơn Vi. Ở đây mới được vài ngày thì làng này được tin quân Pháp đã tới gần và được lệnh phải tản cư gấp. Ông chủ nhà bèn bảo tôi dắt trâu theo gia đình ông tản cư sang làng Kim Đái. Nơi đây có đầm lớn, núi đồi trùng điệp, và hầu như không có đường giao thông thủy bộ nào ngang qua cả, nên ông tin rằng rất an toàn. Hiện mấy người cháu gọi ông bằng chú cũng đang sống trên những chiếc bè vó đánh cá trên đầm này. Trở lại làng Thạch Cáp xem ra cũng dở. Ở lại làng Sơn Vi xem ra cũng không xong. Thằng bé hơn 10 tuổi đầu hiền lành, đành thui thủi dắt trâu theo gia đình ông chủ nhà tản cư vào làng Kim Đái. Tại đây, cứ sáng sáng là tôi được một chiếc thuyền nan nhỏ bé đưa từ chiếc bè vó lên khu vườn rộng mênh mông của Chùa Kim Đái, để cho trâu ăn cỏ, và chiều chiều khi trâu đã no nê là tôi cột vào một gốc cây lớn sau chùa, rồi trở về bè vó ngủ nghỉ. Những tưởng như thế, thằng bé đã yên thân, nào ngờ chỉ vài ba ngày sau chính quyền địa phương lại kêu gọi dân chúng cấp tốc tản cư, vì quân dù Pháp đã nhảy dù xuống một nơi nào đó gần thị trấn Tân Kiên, và quân bộ đã đổ bộ lên thị trấn Việt Trì. Thế là gia đình ông chủ nhà ở Sơn Vi và gia đình mấy người cháu của ông lại dắt díu nhau tản cư sang các làng mạc nằm ngoài vòng vây chữ O, phía tả ngạn sông Lô. Một lần nữa, tôi lại phải ngậm ngùi dắt trâu theo đoàn người di tản.

Từ làng Kim Đái tới bờ hữu ngạn sông Lô khoảng năm, sáu cây số theo đường chim bay, song phải đi theo những con đường mòn quanh co lúc lên đồi, lúc xuống thung lũng, nên đoàn người di tản phải đi mất gần 3 tiếng đồng hồ. Khi tới bờ sông Lô, thì trời tuy đã về chiều song không dám qua sông ngay, vì e-ngại máy bay bắn phá. Phải đợi khi mặt trời lặn hẳn mới kiếm được một con đò đưa qua sông. Vì chỉ có một con đò ngang nhỏ bé duy nhất, lại phải chờ nhiều người, nên tôi và con trâu của tôi phải đợi đến chuyến chót. Mãi đến gần 10 giờ tối mới đến lượt tôi. Khi một vài người còn lại và tôi leo lên chuyến đò cuối cùng, tôi kéo con trâu ngoan ngoãn của tôi xuống dòng sông, rồi kéo mũi nó sát vào vào mạn thuyền để nó bám theo con đò lội qua sông. Khi con đò rời bến được chín hay mười mét, vì thấy bóng tối dày đặc và thăm thẳm ở trước mặt, nên con trâu của tôi hoảng sợ quay đầu lội trở lại bờ, mà không chịu lội theo nữa. Con đò và con trâu giằng co đến chín mươi phút vẫn chẳng đi đến đâu cả. Cuối cùng, vì sợ cứ giằng co mãi như thế con trâu của tôi có thể bị đứt mũi, nên tôi đành phải yêu cầu ông lái đò cho tôi và con trâu của tôi trở lại bờ sông. Gửi lời tạm biệt và chúc ông chủ nhà và mấy người cháu của ông qua sông và đi vào vùng đất hiểm trở của tỉnh Tuyên Quang được an lành, tôi và con trâu thương lộ trong đêm đen không đèn để trở về làng Kim Đái. Nơi đây, họ hàng ông chủ nhà vẫn còn một bà cụ trên 60 tuổi thân ở lại trông coi mấy chiếc bè vó.



Một chiếc bè vó đánh cá ngày xưa

Một lần khác nữa, nếu tôi nhớ không lầm là vào khoảng đầu năm 1950, quân đội Pháp đã tổ chức hành quân quy mô kéo dài nhiều ngày liền và gọng kim chữ C bao quanh vùng quê tôi đã được khép lại. Trong lần này, hầu hết các đồn bót bên kia sông Hồng đều vượt sông sang chiếm các làng đối diện. Một cánh quân hùng hậu từ vị trí đầu chữ C, tiến về hướng Nam, chiếm thị trấn Lâm Thao, làng Thanh Mại, làng Do Nghĩa. Một cánh quân hùng hậu khác từ cuối chữ C, tiến về hướng Bắc chiếm làng Cao Xá, làng Dục Mỹ, và bắt tay cánh quân kia ở làng Sơn Vi. Sau khi đã bắt tay được với nhau, hai cánh quân này dàn hàng ngang tiến chiếm vào các làng mạc nằm trong lòng chữ C để bắt tay với các cánh quân khác đang chiếm giữ các làng mạc nằm dọc trong khúc sông hình chữ C này. Trong tình huống ấy dân làng tôi cũng như nhiều làng khác trong vùng không còn biết chạy đi đâu được nữa. Thanh niên trai tráng đành phải lẩn trốn ra cánh đồng chiêm xa làng để ẩn mình trong những ruộng lúa rậm rạp. Ông già, đàn bà và trẻ con tập trung vào một chỗ để tránh bị đánh đập, hãm hiếp. Phe phụ nữ cũng dặn bảo nhau rằng, nếu bị lính Pháp nhào vô bắt, thì cứ nắm chặt lấy nhau lôi kéo trở lại. Nếu bị đánh đập thì cũng cứ cắn răng chịu đựng, chớ có bỏ chạy. Kinh nghiệm ở những nơi khác cho biết rằng, khi thấy phụ nữ ngồi tụ lại với nhau với “âm mưu” chống hãm hiếp, là một tên Marocain cầm gậy xông vào đánh đập loạn xạ, khiến các bà, các cô hoảng sợ bỏ chạy, thế là những tên lính khác chực sẵn ở bên ngoài tóm lấy đem đi “làm thịt”. Xóm vườn trại của tôi nằm lẻ loi giữa cánh đồng nơi cuối làng, nên hầu hết ông già bà cả, phụ nữ và trẻ em trong làng tôi và làng Thành Chu kéo nhau về đây lánh nạn. Theo sự tiên liệu của một vài vị bô lão trong làng thì sớm hay muộn gì trong ngày, quân Pháp đang ở trong làng cũng bung ra chiếm xóm này, và nếu cứ từng nhóm nhỏ bé lẻ loi riêng rẽ, tất sẽ phải gánh chịu nhiều nhiều hậu quả nặng nề, nên được yêu cầu tập trung hết vào

căn nhà khá lớn của ông Mẫn ở cuối xóm. Thấy đề nghị hợp tình, hợp lý nên hầu hết ông già, đàn bà, con nít đều đến tập trung ở đây, trong đó có mẹ tôi, tôi và em tôi. Trong những vị bô lão hiện diện hôm ấy, có cụ Tổng Diệm, người làng Thành Chu, chẳng những cao niên, mà còn có uy tín nữa, nên được đề cử làm đại diện đứng ra ăn nói. Song vì tiếng Tây của cụ không được thông thạo lắm, nên cụ Tổng đã mời người chú họ của mẹ tôi, ông Ký Thái, nói tiếng Pháp như Tây, làm thông dịch viên.

Không biết vì lý do nào đó, mà quân Pháp trong làng đã không tiến ra chiếm xóm trại này. Chờ đợi cho tới lúc mặt trời đã khuất sau những rặng núi cao, thì được tin quân Pháp trong làng đã rút hết về Hưng Hóa. Đám đông tản mác, ai trở về nhà nấy. Vài ba hôm sau từ cụ Chánh Tổng Diệm, ông Ký Thái⁽²⁾, ông chủ nhà Mẫn và một vài người nữa bị Công An Việt Minh bắt vì tội toan làm Việt Gian cho Pháp và bị nhốt trong một trại tù nằm sâu trong một vùng rừng núi âm u, mãi cho đến cuối năm 1954 mới được “ân huệ” cho về quê quán, không phải là được tha mà là để “tham gia”, vào chiến dịch “Phóng Tay Phát Động Quần Chúng Đấu Tranh Chống Địa Chủ” vì các vị này đều thuộc thành phần địa chủ, và phú nông.

Vào tháng 10 năm 1950, khi bị thất bại nặng nề trong vùng biên giới thuộc các tỉnh Cao Bằng – Bắc Cạn – Lạng Sơn, quân đội Pháp mới bỏ đồn Hưng Hoá rút về Trung Hà. Làng tôi cũng chỉ để thờ hơn đôi chút, vì đồn Trung Hà vẫn thường bắn đại bác 105 hay 155 ly vào làng tôi. Và máy bay Pháp vẫn thường xuyên tung hoành trên vùng trời quê tôi, nên dân làng vẫn phải lấy đêm làm ngày. Mãi cho đến năm 1954, khi hiệp định Geneve được ký kết và bắt đầu có hiệu lực, dân làng tôi mới được sống trong hòa bình thật sự, nhưng rất tiếc đó chỉ là hòa bình tạm bợ, vì chỉ ít ngày sau đó là dân làng tôi lại bị đẩy vào cuộc “Cách Mạng Ruộng Đất” rất khùng khiếp.

² Trước năm 1945, ông Thái làm cho nhà máy xi măng của Pháp ở Hải Phòng